

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 89

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi chín, hàng thứ bảy từ dưới đếm lên, đây cũng là đoạn thứ hai trong trang này:

“*Tôn giả Xá Lợi Phất, Phạn ngữ Xá Lợi, dịch vi Thu Lộ. Phạn ngữ Phất, dịch vi Tử, cố viết Thu Tử, nhân mẫu đắc danh*” (“Tôn giả Xá Lợi Phất”: Chữ Xá Lợi trong tiếng Phạn là chim Thu Lộ, Phất (Putra) trong tiếng Phạn được dịch là Tử (con). Do vậy, tên Ngài được dịch là Thu Tử, do mẹ mà có tên ấy). Trước hết, giới thiệu tôn giả Xá Lợi Phất. Trong Phật pháp, ngài Xá Lợi Phất tượng trưng trí huệ bậc nhất, trong các kinh Đại, Tiểu Thừa thường thấy nhắc đến Ngài. [Hai vị đại đệ tử thường được nhắc đến nhiều nhất là] Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên, Đại Mục Kiền Liên tượng trưng thần thông bậc nhất. Trong hết thấy các kinh do đức Phật đã nói đều có trí huệ, đều có thần thông, “thần thông” là thông đạt, hiểu rõ. Xá Lợi (Śāri) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thu Lộ, là tên một loài chim, người Hoa gọi [loài chim ấy] là Lộ Tư (鷺鷥). Chữ Phất (Putra) trong tiếng Phạn dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tử; vì thế, danh hiệu Xá Lợi Phất dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thu Tử, tức là con bà Thu Lộ, “*nhân mẫu đắc danh*” (do mẹ mà có tên ấy). “*Kỳ mẫu thân hình đoan chánh, nhân tịnh như Thu Lộ, nữ danh Thu Tử*” (Bà mẹ Ngài thân hình đoan chánh, mắt trong trẻo như mắt chim Thu Lộ, nên Ngài có tên là Thu Tử). Nêu ra nguyên do Ngài mang tên ấy, mẹ Ngài vô cùng xinh đẹp, vô cùng đoan chánh, trang nghiêm, đặc biệt là trong mắt vô cùng trong sáng giống như [mắt] chim Thu Lộ, nên người ta gọi bà là Thu Lộ và con bà được gọi là Thu Tử. “*Vị thị Thu Lộ chi tử. Hựu danh Châu Tử, diệc biểu kỳ mẫu nhân tịnh như châu. Hựu danh Thân Tử, biểu thị ý nghĩa thân mẹ Ngài đoan chánh*” (Ý nói Ngài là con bà Thu Lộ. Ngài lại còn được gọi là Châu Tử, cũng là ý nói mắt mẹ Ngài trong trẻo như hạt châu. Ngài lại còn được gọi là Thân Tử, biểu thị ý nghĩa thân mẹ Ngài đoan chánh). Tên họ Ngài có liên quan đến mẹ, mẹ Ngài tương mạo vô cùng đoan trang. “*Xá Lợi Phất tại Phật Thanh Văn đệ tử trung, trí huệ đệ nhất*” (Trong các hàng đệ tử Thanh Văn của đức Phật, ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất).

Tiếp theo đó là một câu chuyện nhỏ, ở đây bèn tiện dịp nhắc tới: “*Tại mẫu thai thời, năng linh mẫu đắc diệu biện, thắng u nữ cưu Câu Hy La*” (Lúc còn trong thai, Ngài đã khiến cho mẹ nói năng hùng hồn hơn cả ông cậu Câu Hy La), vị này về sau cũng chứng A La Hán. Trong kinh Lăng Nghiêm có kể câu chuyện này. Cậu của Ngài là tôn giả Câu Hy La (Kausthila) biện tài vô ngại, chị của vị này là mẹ ngài Xá Lợi

Phát. Mỗi lần biện luận, bà đều cãi thua em trai, người em trai bà ta quả thật rất tài giỏi. Nhưng sau khi bà có mang Xá Lợi Phát, đột nhiên biện tài nâng cao trên một mức độ to lớn; hễ cùng Câu Hy La biện luận, Câu Hy La thường thua cuộc! Do vậy, Ngài nghĩ: “Nói chung, đây chẳng phải là biện tài của chị, bà ta mang thai đứa bé này nhất định nó là người hết sức có trí huệ”. Ngài nói với chị như vậy, sau này quả nhiên chẳng sai! Đứa bé ấy đúng là trí huệ bậc nhất.

Quý vị thấy phần kể tiếp nêu lên hành trạng của ngài Xá Lợi Phát. “*Bát tuế đăng tòa*” (tám tuổi lên giảng tòa), lên tòa giảng kinh là một tiểu Sa Di, tiểu Sa Di giảng kinh, A La Hán đều ở bên cạnh nghe. “*Thập lục xuất quốc, nghị luận vô song. Thất nhật chi nội, biến đạt Phật pháp*” (mười sáu tuổi đi các nước, nghị luận chẳng ai sánh bằng. Trong vòng bảy ngày, hiểu trọn Phật pháp). Ở đây, “*biến đạt Phật pháp*” bao hàm ý nghĩa đại triệt đại ngộ. Mười sáu tuổi vẫn còn là một thiếu niên, đã thông đạt trọn khắp Phật pháp. Vì vậy, phàm phu thành Phật đúng là trong một niệm. Tại Trung Quốc, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng thông hiểu trọn khắp Phật pháp lúc hai mươi bốn tuổi, còn ngài Xá Lợi Phát là mười sáu tuổi. Trong kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn cũng bộc lộ thân phận của tôn giả: Ngài là cổ Phật tái lai, cùng với Mục Kiền Liên, hai vị ấy đều đã thành Phật, đến thị hiện trong thế gian này, thị hiện làm đệ tử Thanh Văn của Thích Ca Mâu Ni Phật. Đây là các vị Pháp Thân đại sĩ, hoặc chư Phật Như Lai, nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy. Các Ngài là những người đến giúp đỡ, đúng là “*một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ*”, từ chỗ này chúng ta có thể thấy [điều ấy]. Những bậc giác ngộ trong Phật pháp, họ chẳng có ý niệm ham cao, chuộng xa, chẳng bị ghen ghét chướng ngại. Pháp duyên của Thích Ca Mâu Ni Phật chín muồi, đến xuất hiện trong thế gian này dưới thân phận Phật, Ngài xuất hiện một mình có thể độ nổi chúng sanh hay chẳng? Lúc ấy sẽ chẳng thể độ, nhất định phải có rất nhiều người phối hợp với Ngài, đến giúp đỡ, những ai sẽ giúp đỡ? Nhất định là những vị nội hạnh (thông hiểu, lão luyện), chứ những kẻ lơ mơ ngoài rìa sẽ chẳng thể giúp được! Những vị [nội hạnh] ấy tuyệt đại đa số là chư Phật Như Lai, một số ít là Pháp Thân Bồ Tát, Pháp Thân Bồ Tát đều là Địa Thượng Bồ Tát.

Tức là trong bốn mươi một địa vị như kinh Hoa Nghiêm đã nói, các Ngài thuộc tầng lớp cao nhất là Thập Địa Bồ Tát, chẳng phải là Tam Hiền. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng được gọi chung là Tam Hiền, tập khí vô thị vô minh của Tam Hiền Bồ Tát vẫn còn nồng đậm, Thập Địa Bồ Tát rất mỏng, ngày càng gần với quả vị Diệu Giác viên mãn rốt ráo, [các đệ tử Phật] là những vị ấy. Chúng ta hiểu rõ, kinh đã nói tỉ mỉ, Sơ Trụ Bồ Tát thị hiện trong lục đạo, hay trong mười pháp giới, có năng lực thị hiện ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, thị hiện thân Phật trong lục đạo để phổ độ chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thân Phật, Lục Tổ Huệ Năng đại sư thị hiện thân tỳ-kheo, ở đây, tôn giả Xá Lợi Phát cũng thị hiện thân tỳ-kheo. Chúng ta phải biết, phải học tập điều này, phải có tâm rất hoan hỷ, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giúp cho người khác thành tựu những điều tốt đẹp. Người ta làm chuyện tốt đẹp cần có kẻ khác

chạy việc vặt, cần có người phục vụ, thấy không có ai [làm những chuyện đó] thì chúng ta phải đến [giúp đỡ]. Còn có những vị thị hiện làm quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ để ngoại hộ, những vị ấy chẳng phải là phàm nhân!

“*Bốn kinh thuyết thử nhất thiết thế gian nan tín chi pháp, duy đại trí giả thí năng thâm tín bất nghi. Cổ liệt Thượng Thủ, căn thứ Kiều Trần Như*” (Kinh này nói đến pháp hết thảy thế gian khó tin được, chỉ có bậc đại trí mới có thể tin tưởng sâu xa chẳng nghi ngờ. Vì vậy, tên Ngài được kể trong các vị Thượng Thủ, ngay sau ngài Kiều Trần Như). Ngài được xếp vào thứ hai, trong hội này, đức Thế Tôn thuyết pháp gì? Pháp môn này là vô thượng vi diệu pháp trong [hết thảy các pháp] thế gian lẫn xuất thế gian. Vì sao? Có thể làm cho chúng sanh chưa đoạn tập khí phiền não thành Phật trong một đời, đúng là khó tin. Một phẩm tập khí phiền não chưa đoạn, làm sao có thể thành Phật ngay trong thân này? Khó tin thì ai có thể tin? Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát chẳng tin. Vì thế, họ phải đi lòng vòng, lòng vòng là “*thụ xuất*” (thoát khỏi tam giới theo chiều dọc). Con đường này là hoành xuất, tức là thoát ra từ ngay trong lục đạo! Quý vị nghĩ thử xem thoát ra theo chiều dọc khó dường nào? Quý vị phải trải qua Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên, Tứ Thiên, Bát Định. Quý vị còn phải trải qua tứ thánh pháp giới mới có thể thoát ra. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong tứ thánh pháp giới phải đoạn sạch sành sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mới có thể vượt thoát mười pháp giới. Chuyện này cần thời gian bao lâu, thời gian lâu chừng nào? Kinh Phật thường nói là vô lượng kiếp. Trên thực tế, thời gian chẳng phải là một pháp cố định, pháp do đức Phật nói là viên dung. Đối với vô lượng kiếp, có thể nói là kẻ kém may mắn sẽ thật sự phải trải vô lượng kiếp. Vô lượng kiếp nên nói như thế nào? Nhân đạo trong lục đạo là chỗ máu chột, hề chuyển biến chỗ đó, sẽ nhất định thành Phật trong nhân đạo. Trong lục đạo, chưa hề nghe nói Phật có thể thị hiện thân Phật để thuyết pháp trong đường nào khác, không có! Lục đạo chúng sanh có cảm, Phật đều ứng, nhưng chẳng thể dùng thân Phật để xuất hiện, chỉ có trong nhân gian, nhân gian là máu chột!

Con người tạo tác các thứ nghiệp. Người tạo thiện nghiệp, quả báo là trong ba đường lành, vì sao vào trong ba đường lành? Để tiêu phước báo. Phước chẳng phải là chuyện tốt, người thế gian nghĩ nó là chuyện tốt đẹp, nhưng người tu đạo biết nó chẳng phải là chuyện tốt. Tạo tác hết thảy nghiệp bất thiện thì sao? Vào trong tam ác đạo để tiêu nghiệp bất thiện. Do vậy, quý vị biết nhân gian, cõi trời, lục đạo luân hồi, nói xuyên suốt là chẳng qua để “*tiêu nghiệp*” mà thôi. Nếu quý vị chẳng tạo nghiệp, lục đạo sẽ chẳng có, quý vị vĩnh viễn thoát lìa lục đạo, thật đấy, chẳng giả tí nào. Chẳng tạo “*chấp trước*” như kinh Hoa Nghiêm đã nói, tức là chẳng còn chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, đoạn Kiến Tư phiền não, lục đạo bèn chẳng còn. Lục đạo không có, tứ thánh pháp giới sẽ hiện tiền, vẫn là bốn tầng bậc. Thấp nhất là Thanh Văn A La Hán, ở nơi ấy, toàn bộ đều là A La Hán. Lên cao hơn là Bích Chi Phật, lên cao hơn nữa Bồ Tát, lên cao hơn nữa là Phật, Phật ở đây là Phật trong mười pháp giới. Trong Tịnh Độ, tứ thánh pháp giới được gọi là cõi Phương Tiện Hữu Dư, lục đạo được gọi là cõi

Phàm Thánh Đồng Cư; vượt thoát mười pháp giới mới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Những cõi ấy do đâu mà có? Toàn là do tâm của chính mình biến hiện, phải nhớ điều này! Bốn cõi, mười pháp giới toàn là do “tâm hiện, thức biến”, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm, thật đấy, chẳng giả đâu! Chính mình biến hiện cho chính mình thụ dụng, ngay cả địa ngục A Tỳ cũng do chính mình biến hiện. Tâm hạnh quý vị bất thiện bèn biến hiện cảnh giới ấy, quý vị đến đó chịu khổ, đấy là tự làm, tự chịu!

Vì thế, hiểu đạo lý này, chúng ta bèn hiểu rõ ý niệm có quan hệ quá lớn, khởi tâm động niệm chớ nên có ác niệm, ác niệm là phiền não. Đừng nên sanh phiền não, sanh phiền não sẽ có quả báo, chẳng phải là sanh xong rồi thôi! Dẫu thân và miệng chúng ta chưa làm, mới dấy lên một niệm, niệm ấy đã kết thành nghiệp, chẳng cần đến thân và miệng. Hễ khởi tâm động niệm, quý vị đã tạo nghiệp. Trong A Lại Da có chủng tử của nghiệp tập ấy, gặp duyên, quả báo sẽ hiện tiền. Do vậy, chẳng đoạn một phẩm phiền não, có sao có thể thành Phật? Há có đạo lý ấy? Ngay cả Tu Đà Hoàn mà còn chưa đạt được, làm sao có thể thành Phật cho được? Thật vậy! Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới, chưa đoạn phiền não, chữ “phiền não” [ở đây] nhằm nói tới Kiến Tư phiền não chưa đoạn. Sanh đến thế giới Cực Lạc, dẫu là hạ hạ phẩm vẫn sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, vẫn là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trong lời nguyện thứ mười hai, A Di Đà Phật đã nói như vậy, A Di Đà Phật chẳng nói lời giả! A Duy Việt Trí là Bồ Tát như thế nào? Bồ Tát đã đạt ba món Bất Thoái. Chúng ta biết Vị Bất Thoái, vừa mới chứng đắc Vị Bất Thoái là Tu Đà Hoàn; do vậy, Tu Đà Hoàn là thánh nhân; tuy là vị thánh nhỏ nhoi mới đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, chứng Vị Bất Thoái, Vị Bất Thoái là gì? Chẳng lui sụt thành phàm phu, chẳng đọa trong tam ác đạo. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, vị ấy đã được đảm bảo chẳng đọa trong tam đồ, bảy lần sanh tử trong cõi trời hay trong nhân gian, bất luận có Phật xuất hiện trên thế gian hay không, vị ấy đều có thể chứng đắc quả A La Hán, luôn có thể chứng quả. Cũng tức là tuy vị ấy chưa vượt thoát lục đạo luân hồi, Ngài là thánh nhân, chẳng phải là phàm nhân, Vị Bất Thoái mà! Hạnh Bất Thoái là Bồ Tát. Bồ Tát phát Bồ Đề tâm, Hạnh bèn chẳng thoái; chẳng phát Bồ Đề tâm sẽ thoái chuyển. Bồ Đề tâm chẳng dễ phát. Địa vị cao nhất là Niệm Bất Thoái, chúng ta thường nói [Niệm Bất Thoái] là “một mục tiêu, một phương hướng, dũng mãnh tinh tấn”, đấy là ai? Pháp Thân Bồ Tát, vượt thoát mười pháp giới.

Từ giáo pháp Đại Thừa, chúng ta thấy chân tướng sự thật ấy, mới hiểu pháp môn này thật sự khó tin. Thật sự khó tin nhưng chúng ta tin, chúng ta tin vào khái niệm ấy có đúng hay không? Lòng tin ấy có tầng cấp, quý vị thấy phàm nhân chúng ta thường nói “mê tín, chánh tín, và chân tín”, tức là ba cấp bậc. Kẻ mê tín đông đảo, thấy kẻ khác tin nên chúng ta cũng tin, trong kinh luận Tịnh Độ rút cuộc giảng lý luận gì, không biết! Do không biết, nên gọi là mê tín. Quý vị thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch kinh giáo thì gọi là chánh tín. Chánh tín vẫn chưa phải là chân tín. Tuy hiểu minh bạch, rõ ràng, vẫn

chưa muốn sanh về, vẫn còn rất lưu luyến thế gian này, đó chẳng phải là chân tín; chẳng thể nói quý vị mê tín, vì quý vị thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch. Khi nào tình chấp của quý vị đối với lục đạo, cõi trời, nhân gian đều buông xuống hết, quý vị sẽ thật sự tin tưởng, chỉ có người chân tín mới có thể thành tựu trong một đời, vì sao? Người ấy chắc chắn vắng sanh. Nếu quý vị hỏi vì sao người ấy có thể chắc chắn vắng sanh? Người ấy chẳng hề có mảy may vướng mắc thế gian này, đạo lý là như thế đó! Không ai chướng ngại quý vị, mà là chính mình chướng ngại chính mình. Vì sao quý vị vẫn tham luyến thế gian này? Nói thật ra, do tập khí đây! Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc gọi [tập khí] là “tập tánh”, bốn tánh vốn thiện, tập tánh bất thiện. Tập tánh là từ vô thi kiếp cho tới nay, đời đời kiếp kiếp dưỡng thành, chẳng phải chỉ trong một đời này, mà là đời đời kiếp kiếp, rất phiền phức. Do vậy, phải có tâm dũng mãnh mới có thể đoạn dứt chuyện ấy, cắt đứt hoàn toàn. Thật sự nhận biết Tây Phương Cực Lạc thế giới, mảy may hoài nghi đều không có, quyết tâm sanh về thế giới Cực Lạc trước để thân cận A Di Đà Phật.

Thân cận để làm gì? Một mục tiêu là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong hội của A Di Đà Phật, tới thế giới Cực Lạc để làm chuyện ấy. Triệt ngộ thì quý vị sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới; nhưng thế giới Cực Lạc rất kỳ diệu, bốn cõi chẳng chướng ngại, bốn cõi dung hội cùng một chỗ, đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn. Thích Ca Thế Tôn cũng có bốn cõi, nhưng bốn cõi của Ngài có chiều không gian khác nhau, Ngài ngự trong cõi Thật Báo. Pháp Thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo biết chúng ta tồn tại, nhưng chúng ta chẳng biết các Ngài ở đâu. Đó là có chướng ngại, không chỉ Lý Sự chướng ngại, mà còn là Sự Sự chướng ngại; nhưng trong cõi Thật Báo bèn hoàn toàn đột phá [những chướng ngại ấy]. Trong cõi Phương Tiện, Lý Sự vô ngại, nhưng Sự Sự có ngại. Tới cõi Thật Báo, hết thảy chướng ngại đều không có! Trong đời này, chúng ta có duyên phận thù thắng như vậy, cho thấy thiện căn trong đời quá khứ sâu dày. Nếu chẳng phải là thiện căn rất sâu dày, quý vị làm sao có thể gặp gỡ pháp môn này? Người học Phật đông lắm, nhưng mấy kẻ gặp gỡ pháp môn này? Khi gặp gỡ, có nhận biết hay không? Có liễu giải hay chẳng? Nhận biết, liễu giải, thật sự liễu giải, chẳng ai không phát tâm. Phát nhất niệm tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tâm ấy được gọi là Vô Thượng Bồ Đề tâm, trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng như vậy. Ấn Quang đại sư đọc câu ấy, bội phục năm vóc sát đất, [bảo]: “*Chẳng phải là bậc tái lai sẽ chẳng thể thoát lên lời ấy*”. Chúng ta hiểu Bồ Đề tâm, nói theo cách hiện thời, [Bồ Đề tâm] là trọn đủ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, nhất niệm chân tâm hướng tới Tịnh Độ, năm thứ ấy thấy đều trọn đủ. Vì thế, danh tự của ngài [Xá Lợi Phất được ghi] ở đây nhằm nói rõ, chẳng phải là đại trí huệ thì làm sao có thể tin tưởng sâu đậm, chẳng nghi ngờ pháp môn này? “*Danh liệt đệ nhị*” (tên được nêu thứ hai): Đệ nhất đương nhiên quan trọng hơn, trong phần trước chúng ta đã học, vị thứ nhất là tôn giả Kiều Trần Như. Tôn giả Kiều Trần Như tượng trưng cho đệ tử bậc nhất của đức Thế Tôn. Tại Lộc Dã Uyển, Thích Ca Mâu Ni Phật vừa mới thuyết pháp, tại Lộc Dã Uyển độ năm tỳ-kheo, Ngài là người đầu tiên

chúng A La Hán, nói rõ pháp môn này là pháp thành Phật bậc nhất, chẳng phải là chứng A La Hán, mà là thành Phật bậc nhất. Vì thế, tên của Ngài được xếp vào bậc nhất.

Chúng ta lại xem vị thứ ba, “*tôn giả Đại Mục Kiên Liên, tức A Di Đà kinh trung Ma Ha Mục Kiên Liên*” (tôn giả Đại Mục Kiên Liên, tức Ma Ha Mục Kiên Liên trong kinh A Di Đà), Ma Ha là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đại. Ma Ha có nghĩa là lớn, “*Mục Kiên Liên thị tánh, dịch vi*” (Mục Kiên Liên là họ, dịch là), Mục Kiên Liên là tiếng Phạn, dịch sang chữ Hán có nghĩa là Tán Tụng, thông thường rất ít nhắc đến ý nghĩa này, mà nói là “*Thái Thục, Lai Bạc Căn đấng*” (Thái Thục, Lai Bạc Căn v.v...), đây mới là ý nghĩa gốc trong tiếng Phạn, nêu ra nguyên do danh xưng của dòng họ Ngài. Thục (菽) thuộc loại đậu¹, chúng ta thường gọi Lai Bạc (萊菔) là La Bạc (蘿蔔: củ cải). Chúng ta biết dòng họ của Ngài là nông dân. Nhìn từ ý nghĩa này, nay chúng ta nói họ là “*thái nông*”, tức nông dân trồng rau. “*Kỳ tộc xuất gia nhân đa, cổ u tôn giả tánh thị quán dĩ Đại tự, viết Đại Thái Thục (Đại Mục Kiên Liên) dĩ giản biệt chi*” (dòng họ ấy có nhiều người xuất gia, nên trước tên họ của tôn giả, thêm chữ Đại, thành Đại Thái Thục (Đại Mục Kiên Liên) để phân biệt). Thời cổ, nông dân rất khổ cực, cũng chẳng thể rất giàu có, người Trung Quốc bảo “*nhờ trời kiếm miếng ăn*”, chắc chắn họ là người thật thà, thuần phác. Người đến thế gian này, xuất hiện trong thế gian này để theo đuổi công việc ấy, suốt đời làm việc, ít tạo bất thiện nghiệp, thiện nghiệp tích lũy dần dần. Thiện nghiệp là gì? Những nhà nông ấy trồng trọt, thâm canh mùa màng, nuôi sống hết thầy đại chúng trong xã hội, âm thầm cày cấy. Con người có tập khí này, động vật cũng có tập khí này. Họ chỉ mong mùa màng sung túc, hằng ngày đều nghĩ tới chuyện ấy. Vì thế, đối với nghề nghiệp này, có thể là cả mấy đời đều làm nghề ấy, chẳng nghĩ đổi nghề, mà cũng có thể là hoàn cảnh khách quan cũng không cho phép. Do đức Phật nói “*hết thầy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, chúng ta có thể lý giải: [Dòng họ ấy] có nhiều người xuất gia, chắc chắn là xuất gia tu hành thành tựu thù thắng, mọi người thấy vậy nhất định rất hâm mộ, có mấy vị thành tựu sẽ khơi gợi rất nhiều người học tập theo. Vì thế, trong danh xưng của tôn giả, phải thêm chữ Đại vào trước chữ Mục Kiên Liên để phân biệt, gọi “*Đại Mục Kiên Liên*” là tôn xưng Ngài.

“*Kỳ danh vi Câu Luật Đà, phụ vi Tướng Quốc*” (Tên Ngài là Câu Luật Đà (Kolita), cha làm Tướng Quốc), chúng ta biết thuở ấy Trung Quốc chưa thống nhất, đời Châu có tám trăm chư hầu, đều là những bộ lạc nhỏ. Ấn Độ cũng giống như thế. Cha của Thích Ca Mâu Ni Phật là quốc vương, tức quốc vương nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatsu). Nước này hiện thời thuộc địa bàn nước Ni Bạc Nhĩ (Nepal), dấu tích xưa hầy còn. Đến Ấn Độ triều thánh, rất nhiều người nhất định đến thăm nơi Thích Ca Mâu Ni Phật giảng sanh. Nước ấy không lớn, nói chung còn nhỏ hơn một huyện hiện thời. Một hương, một trấn của chúng ta hiện thời vào thuở ấy là một tiểu quốc. Cha của ngài Đại Mục Kiên Liên

¹ Thục là tên gọi chung các loại đậu.

làm Tướng Quốc, cũng là trợ thủ của quốc vương, có thân phận giống như Tổng Lý (Thủ Tướng) hiện thời. “*Tùng Câu Luật Đà thụ thần kỳ cầu đắc tử, nhân dĩ danh chi*” (do cầu khẩn thần cây Câu Luật Đà mà có con; vì thế, đặt tên như vậy). Cha Ngài cầu con từ thân cây, kết quả sanh được một con trai, nên dùng chữ Câu Luật Đà để đặt tên. “*U Phật đệ tử, thần thông đệ nhất*” (thần thông bậc nhất trong các vị đệ tử đức Phật), trong các vị đệ tử đức Phật, Ngài có thần thông đệ nhất. Các đệ tử đức Phật có thần thông [nhưng không bộc lộ], riêng Ngài thường thể hiện thần thông; nhưng trong kinh giáo, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta chẳng được dùng thần thông để làm Phật sự. Vì sao? Nếu dùng thần thông để làm Phật sự, sẽ có kẻ giả mạo Phật, Bồ Tát, sẽ có chuyện ấy phát sanh. Yêu ma, quỷ quái đều có thần thông. Đức Phật dùng giảng kinh, giáo học, bọn chúng sẽ chẳng có cách nào. Đức Phật dùng giới luật, giảng kinh, giáo học, dùng các phương pháp ấy để giáo hóa chúng sanh, đây là chánh pháp tồn tại trong thế gian, tà môn, ngoại đạo chẳng thể làm được.

Trong Trí Độ Luận có mấy câu như thế này: “*Như Xá Lợi Phất trí huệ trung đệ nhất, Mục Kiền Liên thần túc đệ nhất*” (như Xá Lợi Phất là trí huệ bậc nhất, Mục Kiền Liên thần túc bậc nhất). Người Trung Quốc thường gọi Thần Túc là “*thông linh*”, thuộc loại cảm ứng. Trong sáu thứ thần thông, Thần Túc Thông cao nhất, có thể phi hành, biến hóa. Người Hoa đọc Tây Du Ký, thấy Tôn Ngộ Không thị hiện thần thông, bất quá thần thông rất bé. Quý vị thấy sách viết hẳn chỉ có bảy mươi hai phép biến hóa. Đứng ra, bảy mươi hai chẳng phải là con số. Nếu là con số, năng lực của hắn vô cùng hữu hạn. Nếu nói theo ý nghĩa biểu thị pháp, sẽ nói thông suốt, thần thông rộng lớn, đúng là tự tại vô ngại. Trong các đệ tử đức Phật, Mục Kiền Liên có năng lực ấy. “*Hựu Xá Lợi Phất thị Phật hữu diện đệ tử, Mục Kiền Liên thị Phật tả diện đệ tử*” (Lại nữa, Xá Lợi Phất là đệ tử bên phải Phật, Mục Kiền Liên là đệ tử bên trái Phật). Bên phải là trí huệ, bên trái là thần thông, trí huệ và thần thông hợp lại bèn viên mãn, năng lực giáo hóa chúng sanh đúng là tự tại vô ngại. “*Tôn giả thần thông thậm quảng, lệ như cử nhất thành Thích chủng, thượng thắng Phạm thiên*” (Tôn giả thần thông rất rộng, chẳng hạn như đem toàn bộ người họ Thích trong một thành bay lên trời Phạm thiên). Chuyện này là do Lưu Ly Vương (Virūdhaka) diệt dòng họ Thích Ca², đương nhiên đức Thế Tôn cũng rất

2 Tỳ Lưu Ly (còn phiên âm là Duy Lô Lặc) là con trai thứ của vua Ba Tư Nặc (Prasenajit), em trai thái tử Kỳ Đà (Jetakumāra), và là vua nước Câu Tát La (Kosala). Sau khi vua A Xà Thế (Ajatasatru) hại chết cha là Tần Bà Sa La (Bimbisara), bèn tấn công Câu Tát La, chiếm vùng Kashi. Tỳ Lưu Ly thừa dịp hạ bệ Ba Tư Nặc, khiến cha phải chết trên đường lưu đày, trở thành vua nước Câu Tát La rồi tấn công Ca Tỳ La Vệ, sát nhập nước này vào Câu Tát La. Cuối cùng, nước Câu Tát La cũng bị A Xà Thế sát nhập vào nước Ma Kiệt Đà (Magadha). Theo kinh Tăng Nhất A Hàm, Tứ Phần Luật, Nghĩa Túc Kinh và Duy Lô Lặc Vương Kinh, nguyên nhân gần khiến Tỳ Lưu Ly tàn sát dòng họ Thích Ca là do vua Ba Tư Nặc muốn cưới một công chúa dòng họ Thích Ca để tăng thêm thanh thế. Vợ của ngài Ma Ha Nam (trưởng tộc dòng họ Thích Ca khi ấy) chê dòng dõi Ba Tư Nặc chẳng xứng với dòng họ thánh nhân của mình bèn đem một tỳ nữ (tức cô Nāgamundā) giả danh là công chúa của dòng họ Thích Ca gả cho Ba Tư Nặc, cô này trở thành phu nhân Vāsavahattiyā. Lúc Tỳ Lưu Ly lên tám tuổi, vua cha bảo về quê ngoại

đau buồn, nhưng không có hành động gì, vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật biết đây là nhân quả, quá khứ tạo tác cái nhân bất thiện, đời này nhất định phải chịu quả báo ấy, không thể tránh được. Ngài Mục Kiền Liên không biết cái nhân ấy [thì cái nhân ấy] nhất định là đã rất lâu, vì như thường nói “A La Hán có thể biết năm trăm đời quá khứ, và năm trăm đời vị lai”. Chuyện này chắc chắn phải lâu hơn năm trăm đời, nên sức thần thông của A La Hán chẳng thấu đạt. Đức Phật biết, hiểu rất rõ ràng, khuyên dạy người trong họ hãy tránh né. Do lẽ đó, khi ấy, ngài Mục Kiền Liên bèn cứu năm trăm người, đặt trong bát, đem bát ấy lên cõi Đại Phạm Thiên. Đại Phạm Thiên là Sơ Thiên, đặt ở nơi ấy để lánh nạn, chờ cho chuyện ấy qua đi. Còn dòng họ Thích Ca thì sao? Nghe lời Thích Ca Mâu Ni Phật, một nhóm bỏ trốn. Nhóm này trốn sang Tây Tạng vì Nepal ở phía Nam núi Himalayas, vượt sang bên kia núi là Tây Tạng. Sau khi họ trốn tới Tây Tạng, từ đây chẳng còn trở lại nữa. Vì thế, dòng họ Thích Ca còn có một chi họ hiện đang sống ở vùng Hậu Tạng³. Năm xưa, Chương Gia đại sư kể cho tôi biết chuyện này. Ngài Mục Kiền Liên cứu những người ấy, đưa lên Đại Phạm Thiên. Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Ngài: “Ông hãy đi xem coi người trong bát hiện thời như thế nào?” Ngài lên xem, hoàn toàn hóa thành máu loãng, không ai còn sống. Đức Phật dạy: “Định nghiệp! Phật cũng chẳng có năng lực xoay chuyển!”

Những sự thị hiện này cũng nhằm bảo chúng ta: Chúng ta là người thật sự học Phật, sống trong thế gian này, từng ly, từng tí, bất luận thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, thấy đều là chư Phật Như Lai đang thị hiện, hay năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, [cách nghĩ như vậy] quyết định là chính xác. Thị hiện điều gì vậy? Quý vị giết người khác, chắc chắn người ta sẽ giết quý vị, oán hận chẳng giải

thăm viếng họ hàng, đồng thời xin học bắn cung với ngài Ma Ha Nam (nổi tiếng thiện xạ thuở ấy). Lúc đó, họ Thích vừa kiến tạo một giảng đường mới, muốn thỉnh Phật đến cúng dường. Khi ấy, Tỳ Lưu Ly và năm trăm đồng tử vào giảng đường chơi, lên tòa sư tử ngồi. Hoàng tộc Thích Ca trông thấy, chửi bới “ngươi là đồ tiện dân, con của mẹ đầy tớ”, tổng Tỳ Lưu Ly cõ ra ngoài. Hoàng tử ôm hận, thề quyết chí báo thù. Sau khi hạ được thành, Tỳ Lưu Ly giết đến chín ngàn chín trăm chín mươi vạn người họ Thích, máu chảy thành sông. Vua tuyển năm trăm mỹ nữ họ Thích làm thiếp, nhưng họ khảng khái chống cự, nên vua tức giận, sai chặt chân tay, khoét mắt, quăng xuống hầm sâu. Nghe thảm trạng ấy, đức Phật bèn dẫn các tỳ-kheo đến thành Ca Tỳ La, thuyết pháp cho năm trăm Thích nữ, khiến họ đắc pháp nhãn tịnh, sanh thiên (chuyện này cũng được chép trong kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân). Sau khi quay về Xá Vệ, vua sát hại anh là Kỳ Đà để trừ hậu họa. Đến ngày thứ bảy, vua dẫn quân đội và các cung nữ cấm trại vui chơi bên sông A Chi Hà, do sát nghiệp đã giết quá nhiều người, trong số đó có cả những vị tu hành chân chánh, nên nửa đêm cuồng phong bạo vũ, nước sông dâng lên nhấn chìm toàn bộ đại quân và nhà vua.

3 Hậu Tạng (Yü-Zang, hoặc Ü-Tsang, còn gọi là Vệ Tạng), bao gồm miền Tây và trung ương Tây Tạng hiện thời, bao gồm lưu vực sông Tsangpo, các quận phía Tây núi Kailash, và phần lớn đồng bằng Chang Tang. Thật ra vùng này gồm hai vùng là Ü và Tsang, thủ đô Lhasa nằm trong vùng Tsang.

trừ, đòi đòi kiếp kiếp oan oan tương báo chẳng xong. Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên người trong họ nhất định đừng chống lại [Tỳ Lưu Ly], chớ nên có oán hận, món nợ ấy đến đây kết liễu, sau này chẳng còn đối địch nữa. Điều ấy chắc chắn là chính xác. Mấy ai có trí huệ như vậy, thấy địch thủ đến xâm phạm mà chẳng chống cự? Chỉ có Phật pháp biết. Chiến tranh ắt phải có nhân, có cuộc chiến tranh nào chẳng do cái nhân trước đó gây ra hay chẳng? Không thể nào có chuyện ấy! Chúng ta biết quá khứ đã tạo tác tội nghiệp, những người bị sát hại trong chiến tranh, nếu chẳng giết người, mà bị kẻ khác giết, sẽ sanh lên trời, chẳng đọa tam đồ; kẻ sát nhân có tội, trong tương lai đọa tam đồ. Quý vị thấy kẻ ấy đọa tam đồ, đưa quý vị sanh lên trời. Đức Phật thấy rõ ràng chuyện này, A La Hán, Bồ Tát thấy rõ ràng: Trốn chẳng được, giết người phải đền mạng, thiếu nợ phải trả tiền, trốn chẳng được! Thiếu nợ bèn hoan hỷ trả nợ. Cách trả nợ cũng khác nhau. Có lúc quý vị cho kẻ khác mượn tiền, hẳn chẳng trả lại, có thể là gì? Kiếp trước quý vị đã vay tiền hẳn, sau khi mượn, quý vị chẳng trả, nên kẻ ấy cũng lấy lại bằng cùng một cách. Vậy thì sao? Hoan hỷ, chớ nên ghim chuyện này trong lòng nữa, coi như thiếu nợ hẳn, đưa cho hẳn. Nếu chẳng phải là thiếu nợ hẳn, đòi sau hẳn phải trả lại quý vị. Chúng ta có muốn [như vậy] hay là không? Chớ nên! Vì sao? Nếu muốn, quý vị vẫn phải luân hồi. Quý vị chẳng luân hồi, hai bên chẳng gặp nhau, không thể tháo gỡ được! Quý vị có chịu luân hồi nữa hay không? Nếu chẳng muốn luân hồi nữa, nay ta sang thế giới Cực Lạc làm Phật, hãy một nét bút sổ toẹt. Thiếu hẳn, bèn trả cho hẳn; chẳng thiếu hẳn thì chẳng cần đến nữa! Tặng cho hẳn, như vậy là xong! Điều gì cũng chẳng cần so đo, buông xuống vạn duyên, chúng ta mới tới thế giới Cực Lạc được. Chỉ cần có một chuyện, có mảy may vướng mắc sẽ chẳng xong. Vì thế, nay chúng ta sống trên thế gian này, bất luận kẻ nào đối xử với ta ra sao, chúng ta đều phải tiếp nhận, chớ nên có chút ý kiến nào, sao cũng được, chuyện gì cũng đều gặt đầu. Đó là gì? Đó là đại đạo để chúng ta về Tây Phương thành Phật. Nếu chuyện tí tẹo mà vẫn so đo thì mỗi ngày mười vạn câu Phật hiệu vẫn chẳng đáng trông cậy, tới lúc đó, quý vị không đi được! Một niệm cuối cùng vẫn so đo cùng kẻ khác, còn làm sao được nữa? Chúng ta nói học Phật có tiến bộ, tiến bộ là gì? Hết thấy đều chẳng so đo, điều gì thấy cũng chấp nhận được, điều gì cũng đều tốt đẹp, đó là tiến bộ. Đây là một ví dụ [về thần thông của ngài Mục Kiền Liên].

Tiếp đó, lại nói đến ví dụ thứ hai: “*Ngoại đạo di sơn, chế chi bất động*” (ngoại đạo dời núi, ngăn trở chẳng cho lay động). Có thể dời núi hay không? Có thể dời núi, lấp biển. Hiện thời dùng máy móc, xưa kia, thật sự có thể dùng pháp thuật để thực hiện. Hiện tại, các nhà Lượng Tử Lực bảo chúng ta: Nếu ý niệm của con người có thể thật sự tập trung tại một chỗ, sức mạnh của nó sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Nói theo lý luận là “*cảnh chuyển theo tâm*”. Vì thế, trên địa cầu có tai nạn, chúng ta là những kẻ sống trên đó, sức một người chẳng đủ, nhưng ý thức của tập thể sẽ có sức mạnh to lớn. Bao nhiêu người? Có thể là mấy chục người, hoặc một trăm người, sức mạnh ấy vô cùng đáng kể. Chúng ta thấy một thí dụ thực tế từ tiền sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản. Hồ Tỳ Bà

(Biwa Ko)⁴ là một eo biển, trong khoảng hơn hai mươi năm, eo biển ấy rất bẩn thỉu, mùi vị rất khó ngửi. Ông ta tìm hơn một trăm người, dùng phương pháp kỳ đảo. Kỳ đảo là tập trung ý niệm, tìm một vị lão hòa thượng cầm đầu mọi người. Văn kỳ đảo rất đơn giản: “Nước hồ trong sạch, ta yêu mến người”. Quý vị thấy một câu nói đơn giản dường ấy, khiến cho mọi người thấy đều buông xuống ý niệm, trong tâm tưởng ý niệm ấy, miệng đọc câu ấy, nước hồ trong sạch. Hơn một trăm người: “Nước hồ trong sạch, ta yêu mến người”, đọc câu này tiếp nối câu kia, tập trung ý niệm suốt một giờ, làm suốt một giờ. Quả nhiên ba ngày sau, nước eo biển ấy thật sự sạch sẽ, chẳng còn mùi hôi. Truyền thông và TV Nhật Bản đều đăng tin. Giữ được nửa năm lại trở lại tình trạng cũ, lại dơ bẩn. Tôi bảo ông ta: “Tốt nhất là cứ hai tháng quý vị tới đó cầu nguyện một lần, eo biển ấy nói chung sẽ có thể suốt năm chẳng dơ bẩn, chẳng có mùi hôi”. Vì thế, cầu đảo hữu dụng! Những kinh sám Phật sự trong Phật môn chúng ta, kể cả Tam Thời Hệ Niệm do chúng tôi đề xướng đều thuộc loại này, nhưng loại này trị đằng ngọn, chứ chẳng trị tận gốc. Trị tận gốc là phải chuyển biến ý niệm của chúng ta, đoạn hết thủy ác, tu hết thủy thiện; đây là trị tận gốc. Trị tận gốc mới có năng lượng hóa giải nhiều tai nạn trên địa cầu. Trị tận gốc đòi hỏi giáo dục; giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo sẽ có thể làm được. Ngài Mục Kiền Liên có thể dùng pháp thuật để chế ngự, khiến núi ấy bất động, ngoại đạo dời núi nhưng chẳng dời được, vì ngài Mục Kiền Liên đã giặt xuống.

Tiếp đó, nói: “*Cập hàng phục độc long đẳng đẳng, nan dĩ cụ thuật*” (và những chuyện như hàng phục rồng độc v.v... khó thể thuật trọn). Sự tích thần thông của Ngài rất nhiều. Miệng rồng nhả hơi độc tổn hại con người, Ngài có năng lực bắt nó hàng phục. Đây là nêu ra rất nhiều ví dụ về thần thông. Vì sao đức Phật cần có đệ tử như vậy? Trong khi hướng dẫn, giáo hóa chúng sanh, có những lúc cần phải dùng đến. Bản thân đức Phật chẳng hiện thần thông, thần thông của đức Phật to hơn Mục Kiền Liên, nhưng chẳng hiện, mà để ngài Mục Kiền Liên thị hiện; khiến cho hết thủy đại chúng, từ bản thân của đệ tử Phật, sẽ liễu giải chính mình sẵn có năng lượng chẳng hạn chế. Đó là bản năng trong tự tánh, là Tánh Đức của tự tánh.

Lại xem vị thứ ba: “*Tôn giả Ca Diếp, Ca Diếp tánh dã, thử dịch vi Quy hoặc Âm Quang, danh Tất Ba La, diệc thụ danh*” (Tôn giả Ca Diếp: Ca Diếp (Kāśyapa) là họ, Hán dịch là Quy, hoặc Âm Quang. Ngài tên Tất Ba La (Pippali), cũng là tên một loài cây), cũng là tên một loài cây. “*Nhân phụ mẫu đảo u cai thụ thân nhi sanh, cố dụng dĩ vi danh*” (Do cha mẹ cầu đảo nơi thần cây ấy sanh ra Ngài, nên lấy tên cây để đặt tên). Vị này đại diện cho người truyền pháp của Tông Môn. Phật pháp phân chia tổng quát

4 Hồ Biwa nằm ở phía Đông Bắc thành phố Kyoto (Kinh Đô) rất to, có diện tích đến 670 km², đổ ra vịnh Osaka bằng sông Seta. Người Nhật tin hồ này là trụ xứ của Đại Biện Thiên trên mặt đất vì hồ có tên là Tỳ Bà vốn là một nhạc cụ yêu thích của Đại Biện Thiên (Sarasvatī).

thì có hai chi phái: Một là Tông Môn, hai là Giáo Hạ. Ngài Ca Diếp truyền Thiên Tông, ngài A Nan truyền Giáo Hạ. Bốn mươi chín năm giáo học dùng hai phương pháp ấy. Đức Phật dạy kẻ thượng thượng căn học Thiên, còn đối với kẻ trung hạ căn, đức Phật dạy họ học Giáo; thuở ấy, có hai loại căn tánh như thế. Nay chúng ta gọi người thượng thượng căn là “học trò thiên tài”, ngộ tánh đặc biệt cao, thật sự là “nghe một, ngộ cả ngàn”. Loại học trò này rất dễ dạy, giống như ngài Đại Ca Diếp là “nghe một, ngộ cả ngàn”. Ba căn thượng, trung, hạ giống như chúng ta đi học trong nhà trường hiện thời, từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học tiến dần theo thứ tự. Quý vị thấy đức Phật suốt đời giảng kinh, lúc đại triệt đại ngộ, giảng bộ kinh đầu tiên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, giảng kinh ấy trong Định. Người thế gian chúng ta không thấy, người thế gian thấy Thích Ca Mâu Ni Phật ở dưới cội Tất Bát La (Pippala Vrksa), tức là loại cây hiện thời gọi là cây Bồ Đề, Ngài nhập Định dưới cội cây. Kinh chép là mười bốn ngày, cũng có kinh nói là hai mươi một ngày, đức Phật nhập Định dưới cội cây. Ai biết Ngài đang giảng kinh Hoa Nghiêm tại đó? Vì vậy, hiện thời Nam Truyền Tiểu Thừa chẳng thừa nhận có Đại Thừa, họ bảo Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói. Họ thừa nhận Đại Thừa Phật pháp do ai tạo? Long Thọ Bồ Tát, [Tiểu Thừa cho rằng] kinh Hoa Nghiêm do Long Thọ Bồ Tát giảng, chẳng phải do đức Phật nói.

Sau khi đức Phật diệt độ sáu trăm năm, tại Ấn Độ xuất hiện ngài Long Thọ. Trong kinh, đức Phật có tiên đoán, có bài kệ tiên đoán đến lúc ấy sẽ xuất hiện ngài Long Thọ là Sơ Địa Bồ Tát. Ngài quả thật thông minh, trong ba tháng thông đạt hết thảy các pháp, đối với các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, Ngài học xong trong ba tháng. Thế là tâm ngạo mạn dấy lên, cảm thấy trọn khắp Ấn Độ, hiện thời nói là “cả thế giới”, chẳng ai có thể hơn nổi chính mình. Do vậy, Đại Long Thọ Bồ Tát, Đại Long là Đẳng Giác Bồ Tát, dẫn ngài Long Thọ vào trong cung rồng. Đến cung rồng, thấy Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật lúc mới thành đạo đã giảng trong Định suốt mười bốn ngày. Phân lượng bao nhiêu? “Mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm!” Ngài vừa nhìn bèn choáng váng, tập khí ngạo mạn ngay lập tức chẳng còn nữa, những thứ Ngài đã học quá ít. Vì sao? Trong Định, thời gian và không gian đều chẳng có. Vì thế, một niệm có thể triển khai thành vô lượng kiếp, vô lượng kiếp có thể rút gọn thành một niệm. Long Thọ Bồ Tát đến nhìn, lại xem đến Trung Bản Hoa Nghiêm, nhân gian vẫn chưa thể tiếp nhận, phân lượng quá lớn. Lại xem tới Hạ Bản, Trung Bản giống như bản tinh hoa, Hạ Bản là mục lục đề yếu (tóm tắt những điểm chánh yếu). Ngài thấy bản ấy, được! Mười vạn bài kệ, bốn mươi phẩm, bèn lưu truyền bộ này trong nhân gian. Người ta rất tài giỏi, sau khi đọc xong một lần, có thể ghi nhớ toàn bộ; vì thế, [kinh Hoa Nghiêm] do Ngài chuyển thuật (thuật lại). Đương nhiên, Ngài chẳng thêm một chữ nào vào kinh văn, Ngài có thể tụng thuộc lòng, kinh Hoa Nghiêm do Ngài truyền. Vì thế, Nam Truyền Phật giáo chẳng thừa nhận, cho kinh ấy do chính Long Thọ Bồ Tát soạn ra, mạo nhận danh nghĩa Thích Ca Mâu Ni Phật để lưu thông.

Đại Thừa và Tiểu Thừa cách biệt hơn một ngàn năm, mà cũng chẳng kính phục nhau! Đại Thừa coi thường Tiểu Thừa, Tiểu Thừa nói Đại Thừa chẳng đúng pháp, giả trá, chẳng thật! Chúng ta nói theo Lục Hòa Kính, đây là bất hòa, Đại Thừa và Tiểu Thừa bất hòa, đều do Thích Ca Mâu Ni Phật truyền lại mà quý vị thấy con cháu đời sau bất hòa. Trên thực tế, nếu đều học, vấn đề bèn có thể giải quyết, chớ nên vạch giới hạn, không chịu học tập, đó là trật mắt rồi! Nếu đều chịu học tập sẽ có thể dung thông. Nam Truyền Tiểu Thừa khá chấp trước, năm xưa, hình như là lần thứ hai hay lần thứ ba tôi sang Cát Long Ba (Kuala Lumpur), gặp một pháp sư Tiểu Thừa rất có tiếng tăm tại Nam Dương (Indonesia), bước đến hỏi tôi, trách móc Thích Ca Mâu Ni Phật, rất chẳng phục. Tôi hỏi vì sao? Ông ta nói: “Đức Phật đã nói nếu Ngài chẳng độ hết chúng sanh sẽ chẳng thành Phật, nay tôi vẫn chưa thành Phật, có sao Ngài đã thành Phật trước?” Vắn hỏi tôi chuyện như thế. Tôi nói: “Thuở Phật tại thế, Ngài đã độ hết các chúng sanh, thật sự đã độ hết, ông cũng đã được Ngài độ rồi!” Ông ta ngơ ngác: “Độ tôi như thế nào?” “Ngày nay ông luôn miệng nói đến Phật, trong A Lại Da Thức của ông đã có Phật, ông có biết hay không? Đức Phật do độ chúng sanh nên đến thế gian này, chẳng phải là đã nói rất rõ ràng ư? Độ chúng sanh căn cơ chín muồi! Ông chưa chín muồi!” Giống như trồng cây, trồng một cây đào [chẳng hạn]. Tôi xách giỏ tới cây ấy hái trái đào, tôi hái quả nào? Đương nhiên hái quả chín trước. Trái nào chín trước, tôi bẻ lấy, trái chưa chín bèn đợi hai hôm sau”. Tôi nói: “Ông vẫn chưa chín muồi, lại qua hai, ba đời sau, ông sẽ chín muồi, sẽ được hái đi, chẳng phải là không độ ông, mà do ông chưa chín muồi! Vì sao chưa chín muồi? Thấy ông hời hợt, bộp chộp, chẳng phục, [đương nhiên] biết ông chưa chín muồi. Hễ chín, đức Phật sẽ đến độ ông!” Đây là lời thật, Phật độ chúng sanh quả thật là như vậy. Căn cơ chín muồi sẽ giúp cho quý vị thành Phật, chưa chín muồi sẽ giúp quý vị chín muồi; nếu không có thiện căn, sẽ giúp quý vị gieo thiện căn, chia ra khá nhiều tầng lớp. Mỗi lần Ngài đến đều là độ khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều gồm thâu, thật sự chẳng sót một ai! Hiện thời, trên thế giới này, rất nhiều người chẳng tin Phật, bài xích Phật giáo, quý vị nói xem Phật có độ họ hay không? Thấy đều đắc độ. Vì sao? Trong đầu họ có một chữ Phật, miệng họ có thể nói đến chữ Phật. Đó là đắc độ, [do đã] có chủng tử Phật trong A Lại Da Thức. Hủy báng Phật, hãm hại Phật, trong tương lai thấy đều được độ, kinh Đại Thừa thường nói như thế!

Tiếp đó, [sách Chú Giải] trích dẫn Pháp Hoa Văn Cú, Pháp Hoa Văn Cú do Trí Giả đại sư soạn. “Kỳ tiên đại học đạo” (đời trước học đạo), đây là nói về tổ tiên của tôn giả Ca Diếp, tổ tiên Ngài học đạo, “*linh quy phụ tiên đồ dĩ ứng, tòng đức mạng tộc, cố vân Quy thị*” (rùa thiêng đội bản đồ của tiên ứng hiện. Tên dòng họ được đặt theo đức hạnh, nên gọi là họ Quy). Có chuyện như thế đấy! Vì thế, tổ tông của Ngài gọi bộ tộc của mình là Ca Diếp. Ca Diếp là tiếng Phạn. “*Hựu vân Âm Quang, nhân ư Tỳ Bà Thi Phật thời*” (còn dịch là Âm Quang vì trong thời Tỳ Bà Thi Phật), đây là thời gian xa xưa, Ngài là vị Phật thứ nhất trong bảy vị Phật quá khứ. Trong thời Tỳ Bà Thi Phật (Vipashyin), đức Thế Tôn (Thích Ca Mâu Ni Phật) là Bồ Tát, đã có thành tựu khá. Từ kinh Phật, chúng ta đọc thấy: Trước khi thành Phật, Bồ Tát nhất định phải dùng thời

gian một trăm kiếp để tu tướng hảo. Đây chẳng phải là chấp tướng, tướng hảo thuộc về phước báo, thành Phật là trí huệ. Trí huệ viên mãn, nhưng phước báo chưa viên mãn sẽ không được, khi quý vị độ chúng sanh sẽ có chướng ngại. Nếu phước báo rất viên mãn, người ta trông thấy ai nấy đều ưa thích quý vị, muốn tiếp xúc quý vị, sẽ độ họ dễ dàng. Nếu vừa nhìn liền chán ghét, tránh xa quý vị, quý vị chẳng thể độ họ được! Vì thế, tướng hảo là một loại phương tiện nhằm tiếp dẫn chúng sanh. Quý vị thấy thị hiện kiểu ấy, không gì khác, chỉ là thị hiện nhằm dạy chúng ta chẳng thể không tu phước, phước huệ viên mãn mới gọi là Phật. Có huệ thiếu phước chẳng được, có phước thiếu huệ cũng không được, nhất định phải là phước huệ viên mãn, biểu thị ý nghĩa này.

Vào thuở đó, tức nhằm thời Tỳ Bà Thi Phật, tôn giả Ca Diếp “*vi dã kim sư*” (là thợ luyện kim). Nay chúng ta gọi là người làm đồ trang sức, giống như người hành nghề làm các món trang sức bằng vàng hiện thời. Trên đường phố Hương Cảng, chúng ta thường thấy tiệm Châu Đại Phước bán đồ trang sức, kinh doanh ngành vàng bạc, trang sức. Tôn giả là thợ kim hoàn, “*dữ nhất bản nữ, cộng dĩ hoàng kim trang nghiêm Phật tượng*” (cùng một cô gái nghèo dùng vàng ròng trang hoàng tượng Phật). Dùng vàng ròng trang nghiêm tượng Phật, tức là thép vàng, dùng những mảnh vàng để thép tượng Phật. “*Tự nhĩ dĩ lai, cửu thập nhất kiếp, thân như hoàng kim, quang sắc hoảng diệu, yểm tế dư sắc, cố danh Âm Quang*” (Từ đây trở đi, trong chín mươi một kiếp, thân như vàng ròng, quang sắc chói lòa che lấp các sắc khác nên gọi là Âm Quang). Từ ấy tới nay, trong chín mươi một kiếp, Ngài đạt được quả báo. Quý vị thấy: Dùng vàng ròng cúng dường Phật, cúng dường Phật là gì? Trang hoàng tượng Phật, thép vàng tượng Phật. Hiện thời, tại Thái Lan, [tập quán này] cũng rất phổ biến. Tại Thái Lan, đối với những tượng Phật được thờ bên ngoài chùa, bên cạnh có bán vàng lá, có rất nhiều người đến mua, mua xong tự mình thép vàng, đây là do có điển cổ vậy. Vì thế, tôn giả được quả báo thân kim sắc, đắc quả báo ấy. Kim sắc có quang minh, màu sắc, quang minh chói ngời, rất mạnh, che lấp, phủ trùm các sắc khác; do đó gọi là Âm Quang. Âm (飲) giống như nuốt, “*quang thôn chư sắc, tức Âm Quang nghĩa*” (ánh sáng nuốt mất các sắc khác, chính là ý nghĩa của chữ Âm Quang).

Ở đây, trọng yếu nhất là ngài Ca Diếp biểu thị Thiên Tịnh bất nhị. Trong kinh Đại Tập, Thích Ca Mâu Ni Phật có nói một câu, xưng niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật là tu gì? Chính là tu vô thượng thâm diệu Thiên. Thích Ca Mâu Ni Phật bảo niệm Phật là vô thượng thâm diệu Thiên. Mục tiêu chung cực của Thiên là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”; mục tiêu chung cực của niệm Phật cũng là điều ấy, chỉ là tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong hội của A Di Đà Phật sẽ chứng đắc viên mãn rốt ráo. Điều này cũng có nghĩa là tu hành trong thế giới Sa Bà có quá nhiều chướng duyên, quá nhiều chướng ngại, tam căn thượng trung hạ đều chẳng có cách nào hóa giải những chướng nạn và chướng duyên ấy. Tới thế giới Cực Lạc sẽ chẳng có chướng ngại, ở nơi ấy, mỗi ngày ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật, quý vị tiếp xúc toàn là chư Phật Như Lai, chư thượng thiện nhân. Chúng ta biết những vị thượng thiện nhân là các Pháp Thân

đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị, những người quý vị được tiếp xúc toàn là những người như vậy. Vì sao biết toàn bộ đều là [thượng thiện nhân]? Chính mình cũng vậy! Sanh về thế giới Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát chính là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Tuy người ấy chưa đoạn phiền não, khi chưa đoạn sẽ được trí huệ và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, nên trí huệ, thần thông và đạo lực của người ấy chẳng khác A Duy Việt Trí Bồ Tát, mang ý nghĩa này! Đó là pháp khó tin!

Tiếp đó, vẫn chưa giới thiệu xong. “*Tôn giả, Đầu Đà hạnh đệ nhất*”, ý nghĩa này rất trọng yếu. “*Đầu Đà giả, Phạn ngữ*” (Đầu Đà (Dhuta) là tiếng Phạn), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đầu Tầu, hoặc Đào Thái, Đầu Tầu là gì? Khi trên thân chúng ta có tro bụi, lắc mình tro bụi bèn rơi rớt, vì thế, cũng có nghĩa là “*đào thái*” (gạt bỏ). “*Dĩ thập nhị hạnh đào thái trần lao phiền não*” (dùng mười hai hạnh ấy để trừ bỏ trần lao phiền não), mười hai hạnh ấy là khổ hạnh. Nói thật ra, tôn giả Đại Ca Diếp sanh trong gia đình phú quý, có địa vị rất cao trong xã hội, là con em nhà giàu sang, nhưng tu khổ hạnh, đại diện cho những người tu khổ hạnh. Lúc diệt độ, đức Phật cũng dạy chúng ta “*lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy*”, tôn giả Ca Diếp là một tấm gương tốt.

Mười hai hạnh, ở đây nói tới mười hai hạnh của Ngài, thứ nhất là “*trụ A Lan Nhã*”. A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịch Tĩnh Xứ (nơi yên vắng). A là Vô, Lan Nhã là nơi thanh tịnh, tức là nơi vắng vẻ yên ả. Nơi vắng vẻ bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu sẽ gọi là Lan Nhã. Vào thời cổ, nói chung, tiếng kêu [của động vật] là âm thanh lớn nhất, vì nơi Phật hoạt động đều ở ngoài thành, Ngài chẳng trụ trong đô thị, luôn ở núi, rừng, bên bờ sông, những nơi ấy đều là nơi đức Phật thường du hóa. Do trong nông thôn, xã hội nông nghiệp nuôi gia súc, tiếng trâu kêu lớn nhất, Ngài lấy điều này làm tiêu chuẩn. Nơi các Ngài ở không nghe thấy tiếng trâu kêu trong thôn làng, cũng rất an tĩnh, lấy chuyện này làm tiêu chuẩn; đây là “*trụ Lan Nhã*”.

Thứ hai là “*thường hành khát thực*”, đây là phương cách sinh hoạt của họ, mỗi ngày ra ngoài khát thực.

Thứ ba là “*thứ đệ khát*” (khát thực theo thứ tự), cách khát thực bình đẳng. Nhà này bố thí cúng dường quý vị một ít cơm, không nhất định là đầy một bát, có người chỉ cúng dường chút ít, chẳng hạn như cúng dường chừng một muống, ít xị, chắc chắn chẳng đủ, sang khát thực ở nhà thứ hai, nhà thứ hai vẫn chưa đủ, đến nhà thứ ba. Đức Phật cho phép quý vị khát thực bảy nhà. Bảy nhà không đủ, chẳng thể đến nhà thứ tám. Đến nhà thứ tám là quý vị có tâm tham. Nếu một nhà, hai nhà đã đủ, quý vị chẳng thể đến nhà thứ ba. Đây là quy củ khát thực, phải tuân theo quy củ này. Khát thực theo thứ tự là bình đẳng.

Thứ tư là “*nhật trung nhất thực*” (giữa trưa ăn một bữa), mỗi ngày chỉ có một lần ra ngoài khát thực.

Thứ năm là “*tiết lượng thực*” (ăn có chừng mực); bởi lẽ, Phật pháp thật sự là pháp bình đẳng. Khất thực trong Phật pháp, xin được một bát cơm có phải là xin được bèn ăn ngay hay không? Vừa đi vừa ăn trông không đẹp mắt, chắc chắn người ta sẽ coi thường quý vị. Sau khi xin xong, trở về tăng đoàn, chẳng hạn như cùng tụ tập dưới cội cây, dọn cơm chung lại, sau đó, chính mình cần bao nhiêu bèn xớt lấy bấy nhiêu, ăn có chừng mực. Do vậy, đúng như cổ nhân Trung Quốc đã nói: “*Nhất bát thiên gia phạn*” (một bát cơm ngàn nhà), chẳng phải là giả. Quý vị thấy chúng thường trụ trong tăng đoàn, Thường Tùy Chúng một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, kể thêm Thích Ca Mâu Ni Phật thành một ngàn hai trăm năm mươi sáu người, thấy đều ra ngoài khất thực, đúng là “*com ngàn nhà*”, khi trở về, dọn chung một chỗ, lợi hòa đồng quân! Quý vị xin được bát cơm ngon, người kia xin được cơm dở hơn một chút, gộp chung lại, thực hiện lợi hòa đồng quân, là tăng đoàn Lục Hòa Kính.

Thứ sáu, “*quá trung bất ẩm tương*”, điều này chẳng thể hiểu là giờ Ngọ, vì nếu hiểu là giờ Ngọ sẽ không thích đáng. “*Quá trung*” là sau giữa trưa, nếu hiểu là giờ Ngọ thì tại Trung Quốc giờ Ngọ từ mười một giờ sáng đến một giờ chiều. Hơn nữa, thời gian giữa trưa mỗi ngày khác nhau, phải sai lệch vài phút, sai lệch từ ba đến bốn phút, mỗi ngày đều có chênh lệch. Trước kia, dùng Nhật Quỹ (Sundial, đồng hồ mặt trời) để đo bóng nắng coi khi nào là giữa trưa. Hiện thời thì sao? Hiện thời, đài thiên văn phát hành nhật lịch, tức thiên văn nhật lịch (astronomical almanac), mỗi ngày đều ghi chép rất rõ ràng, giữa trưa ngày hôm nay là mấy giờ, mấy phút, mấy giây. “*Quá trung bất ẩm tương*” (sau giữa trưa không được uống chất tương), có thể uống nước, Tương (漿) là gì? Có chất trầm lắng, như sữa bò, hoặc nói như người Trung Quốc là sữa đậu nành, loại này có chất trầm lắng. Nước đường thì được, nước đường chẳng trầm lắng, mật ong pha với nước, có thể dùng. Sau giữa trưa, hết thấy những thứ trầm lắng đều không ăn.

Thứ bảy, “*trước phẩn tảo y*” (mặc áo phẩn tảo), phẩn tảo y (糞掃衣) là gì? Quần áo của người khác đã mặc rách, chẳng cần nữa, vứt đi, quý vị nhặt lấy, lượm lấy những thứ nhất định còn có thể dùng, lọc ra, những chỗ rách nát không thể dùng bèn cắt bỏ, chỗ có thể dùng thì giữ lại, trong tương lai, đã gom góp được khá nhiều, bèn chằm từng miếng lại; đây chính là ca-sa hiện thời. Với những miếng vải nhỏ thì quý vị may được y hai mươi lăm điều, miếng lớn thì may y bảy điều, hoặc y năm điều. Vì thế, y sau khi may xong phải đem nhuộm màu. Chẳng nhuộm màu sẽ rất khó coi, chất liệu khác nhau, màu sắc khác nhau. Nhuộm cho chúng có cùng màu là được rồi. Nhuộm thành màu cà phê nên gọi là “*nhuộm sắc y*”.

Thứ tám, “*đản tam y*” (chỉ có ba y), Ấn Độ là xứ nhiệt đới, không có bốn mùa, chỉ có một mùa, nên ba y là đủ rồi. Buổi tối nghỉ dưới gốc cây, ba y có thể dùng làm mền đắp giữ ấm, đến sáng, khi đi khất thực, khất thực là một môn công khóa trọng yếu, cho nên phải mặc lễ phục, ba y đều phải khoác trên thân. Bình thường, ở trong đoàn thể,

nghe kinh bèn đắp y bảy điều là được rồi. Khi làm việc, đắp y năm điều, một cái y năm điều là đủ rồi. Vì thế, y năm điều được gọi là “*công tác y*”, tức quần áo lao động.

Thứ chín là “*trùng gian tọa*” (ngồi nơi mồ mả), “*trùng*” (塚) là phần mộ, đến nơi nào để tọa Thiên? Đến bên cạnh mộ phần, để quý vị thường nghĩ đến cái chết, có thể giúp quý vị buông xuống vạn duyên, buông tham, sân, si, mạn xuông, Ngài chọn nơi ấy để ngồi.

Thứ mười là “*thụ hạ túc*” (nghỉ dưới cội cây), buổi tối, lúc nghỉ ngơi bèn ở dưới cội cây.

Thứ mười một là “*lộ địa tọa*” tức ngồi nơi trên mặt đất.

Thứ mười hai là “*đản tọa bất ngọa*” (chỉ ngồi không nằm), trong Phật môn gọi là “*bất đảo đơn*” (chẳng ngã mình xuống đơn). Lúc nghỉ ngơi bèn ngồi, tĩnh tọa, chẳng nằm xuống ngủ.

“*Dĩ tu khổ hạnh, tảo trừ trần lụy, trừng tịnh thân tâm, Ca Diếp niên lão, bất xả Đầu Đà. Phật mãn kỳ suy, khuyến mạng hưu túc, Ca Diếp Đầu Đà như cố*” (Dùng các khổ hạnh ấy để quét sạch trần lụy, lắng trong thân tâm. Ca Diếp tuổi già chẳng bỏ hạnh Đầu Đà. Đức Phật thương Ngài suy yếu, khuyên hãy thôi nghỉ, Ca Diếp vẫn giữ hạnh Đầu Đà như cũ). Đến lúc tuổi già, đức Phật khuyên Ngài chẳng cần tu khổ hạnh như vậy, nhưng ngài Ca Diếp vẫn chẳng thay đổi, suốt đời tu khổ hạnh nêu gương tốt cho các đồng học. Mọi người thấy vậy đều phấn chấn tinh thần, sốt sắng, nỗ lực tu hành. “*Phật nãi thâm tán vân: ‘Hữu Đầu Đà hạnh, ngã pháp cứu tồn’*. Cố vân Đầu Đà đệ nhất” (đức Phật bèn ca ngợi sâu xa: “Có hạnh Đầu Đà, pháp của ta sẽ tồn tại lâu dài”). Vì thế, Ngài được gọi là bậc Đầu Đà đệ nhất). Do vậy, trong di giáo dạy bảo các đệ tử đời sau, đức Phật chỉ nói hai câu: “*Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”. Giới được đặt vào hàng thứ nhất, vì sao? Không có giới, Phật pháp sẽ tiêu diệt. Chư vị phải biết Phật pháp tiêu diệt chẳng phải do không có chùa miếu hay không có kinh Phật, chẳng phải vậy! Chùa miếu càng tráng lệ, giàu có, nguy nga hơn, [nhưng là nơi để] ngắm cảnh, du lịch, vẫn tồn tại, kinh điển hãy còn, nhưng kinh điển bị các trường học trong thế gian coi như học thuật để nghiên cứu, gọi bằng danh xưng đẹp đẽ là “Phật học”. Quý vị thấy Phật pháp đã biến thành Phật học, còn lại thứ ấy. Điều gì chẳng có? Người trì giới chẳng có, người khổ hạnh chẳng có, Phật pháp bèn diệt. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Điều gì khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài? Ai nấy đều trì giới, ai nấy chẳng sợ khổ, bằng lòng tu khổ hạnh, trong cuộc sống bằng lòng chịu khổ một chút, tốt lắm, vì sao? Khiến cho chúng ta chẳng tham luyến thế gian này. Nếu cuộc sống quá giàu có, dư dả, sống rất khá, quý vị chẳng rời khỏi thế gian này, A Di Đà Phật duỗi tay mời quý vị sang thế giới Cực Lạc, quý vị vẫn thừa với Ngài: “Con ở đây khá lắm, sợ rằng chẳng kém thế giới Cực Lạc”. Quý vị sẽ nghĩ như vậy, chẳng muốn ra đi. Do vậy, quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, tôn giả Đại Ca Diếp là cổ Phật tái lai, nêu gương cho chúng

ta. Vì sao chúng ta khó đoạn phiền não dường ấy? Rất nhiều đồng tu đã rất cảm khái nói với tôi, rất muốn đoạn, nhưng vì sao chẳng thể đoạn nổi? Quý vị chẳng thể chịu khổ, nên chẳng đoạn được! Quý vị chẳng thể trì giới, sẽ đoạn không được, đơn giản như thế đấy! Vì sao người trước kia đều có thể làm được, nhưng nay chúng ta chẳng thể làm? Người hiện thời học khoa học, chú trọng dinh dưỡng, ăn uống bèn chú trọng màu sắc, hương vị. Đó là gì? Mỗi ngày đều tăng trưởng phiền não, làm sao quý vị có thể đoạn phiền não được? Quý vị đã đi theo đường lối trái ngược!

Vì thế, quý vị lắng lòng tư duy sẽ biết, hiện thời chúng ta tu hành bị chướng ngại chỗ nào? Do chính mình tạo tác, chẳng có người nào khác chướng ngại chính mình. Thật sự muốn Phật pháp hưng vượng, mà chẳng tuân thủ lời răn dạy của Phật Đà, sẽ chẳng có cách nào thành tựu. Vì thế, trong Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, lão cư sĩ Giang Vị Nông vẫn đề xướng khát thực; trong quá khứ, tôi giảng kinh Kim Cang có tham khảo bộ Giảng Nghĩa của cụ. Hiện thời, có thể khát thực hay không? Có thể, nhưng chắc là chẳng thể nào khát thực theo thứ tự được! Ở Hương Cảng, quý vị đi khát thực bảy nhà, sợ rằng chẳng có ai cúng dường quý vị. Nếu quý vị đi hết một con đường, có lẽ sẽ gặp được một người, người học Phật ở Hương Cảng chẳng ít. Thật sự học Phật, sẽ có long, thiên, thiện thân, Phật, Bồ Tát gia hộ, quý vị sẽ gặp người thiện tâm tới cúng dường quý vị. Nói chung, phải hình thành một phong khí mới được, sẽ bớt nhiều việc lảm; nhưng chúng ta ở nơi này thuộc vùng ôn đới, chẳng phải là nhiệt đới, ba y chẳng đủ. Vì thế, Phật pháp truyền tới Trung Quốc, ba y tại Trung Quốc hoàn toàn biến thành lễ phục. Người Trung Quốc vẫn mặc y phục của chính mình. Áo hải thanh rộng tay chính là y phục đời Hán. Phật giáo được truyền vào từ đời Hán, vẫn y như cũ gìn giữ trang phục đời Hán, điều này rất tốt. Áo rộng tay to là lễ phục của chúng ta. Bình thường chúng ta mặc “trường quái” (áo tràng tay hẹp, áo nhật bình) là y phục đời Minh, làm việc khá thuận tiện, áo hải thanh đời Hán dùng làm lễ phục. Trong khi làm Phật sự, cũng như trong học tập, về phương diện lễ tiết, chúng ta đáp y. Y ấy là y hai mươi lăm điều, là đại lễ phục, y bảy điều là lễ phục thông thường, bình thường. Y ấy (y hai mươi lăm điều) là đại lễ phục, khi giảng kinh, lên lớp là đại lễ, bèn mặc lễ phục đại lễ. Khi lạy Phật là đại lễ. Bình thường, trong sinh hoạt hằng ngày, ăn cơm, y bảy điều là được rồi. Tiếp đãi tân khách thì thông thường y bảy điều là được rồi. Đó là lễ phục chia theo đẳng cấp. Y năm điều là quần áo lao động, nhưng tại Trung Quốc đã chẳng còn thích hợp, chỉ giữ lại làm kỷ niệm, chẳng thích hợp để sử dụng. Vì thế, Phật pháp sống động, hoạt bát, trọn chẳng khô khan. Như tôn giả Ca Diếp vì chúng ta thị hiện mười hai hạnh Đầu Đà ấy, có những điều chúng ta có thể làm được, có những điều không bắt buộc [phải làm theo], sống động, cũng chẳng chết cứng. Nhưng chúng ta phải hiểu dụng ý của Ngài ở chỗ nào, vì sao Ngài phải làm theo cách như vậy? Thật sự quét sạch trần lụy, lắng trong tâm, phương pháp ấy rất có hiệu quả.

Đoạn tiếp theo là “vưu ưng thâm tĩnh giả” (càng phải nên phản tỉnh sâu xa), chúng ta càng phải nên phản tỉnh sâu xa. “Đại Ca Diếp tôn giả, tức truyền Phật tâm ấn chi

Thiền Tông Sơ Tổ” (tôn giả Đại Ca Diếp là Sơ Tổ Thiền Tông truyền tâm ấn của Phật), công án và điển cố này xuất phát từ quyển thứ ba của bộ Đại Phạm Thiên Vương Vấn Phật Quyết Nghi Kinh, [điển cố] “*niêm hoa vi tiếu*” (giơ cành hoa, mỉm cười) xuất phát từ kinh ấy. “*Phạm vương chí Linh Sơn*” (Phạm vương đến Linh Sơn), Đại Phạm thiên vương, Linh Sơn là núi Kỳ Xà Quạt thuộc thành Vương Xá, “*dĩ kim sắc Bát La hoa hiển Phật*” (dùng hoa sen⁵ sắc vàng dâng lên đức Phật), dùng hoa cúng dường Phật. “*Xả thân vi tòa*” (xả thân làm tòa), Đại Phạm Vương cũng đến biểu diễn pháp. Nếu chẳng phải là cổ Phật tái lai thì tối thiểu là Thập Địa Bồ Tát, tức Pháp Vân Địa Bồ Tát tới biểu diễn. “*Xả thân vi tòa*”, quý vị thấy thiên vương rất cung kính đức Phật, thỉnh Phật ngồi trên người ông ta. “*Thỉnh Phật vị chúng sanh thuyết pháp*” (xin đức Phật hãy vì chúng sanh mà thuyết pháp), Đại Phạm Vương chẳng phải là người thường. “*Thế Tôn đặng tọa, niêm hoa thị chúng*” (đức Thế Tôn lên tòa, cầm cành hoa giơ lên cho đại chúng thấy), đức Thế Tôn cũng cho ông ta được mãn nguyện liền ngồi đôi chút, chẳng thể ngồi quá lâu. Ngồi quá lâu là chẳng thông hiểu nhân tình. Do có vấn đề tình người trong ấy, nên thời gian càng ngắn càng hay. Được thỉnh thuyết pháp, đức Phật bèn giơ cành hoa lên, hoa ấy là gì? Chính là đóa hoa do Đại Phạm Thiên Vương cúng dường, “*niêm hoa thị chúng*”, đưa lên cho mọi người xem. “*Nhân thiên bách vạn*” (trời và người trăm vạn), người chẳng đông lắm, nhưng thiên thần đông đảo, do các Ngài theo Đại Phạm Vương đến nơi ấy. “*Tất giai võng thố*” (thấy đều ngơ ngác), mọi người chẳng hiểu ý nghĩa cầm hoa của đức Phật, chẳng ai biết! “*Độc hữu Kim Sắc Đầu Đà phá nhan vi tiếu*” (chỉ mình Kim Sắc Đầu Đà lộ vẻ mỉm cười), chỉ có tôn giả Ca Diếp mỉm cười. “*Thế Tôn vân: Ngô hữu chánh pháp nhãn tàng, Niết Bàn diệu tâm, Thật Tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, phó chúc Ma Ha Ca Diếp*” (đức Thế Tôn nói: “Ta có chánh pháp nhãn tàng, diệu tâm Niết Bàn, Thật Tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, phó chúc Ma Ha Ca Diếp”). Đức Phật trao cành hoa ấy cho ngài Ca Diếp; đây là công án đầu tiên trong Thiền Tông. Tôn giả Ca Diếp lộ vẻ mỉm cười là vì Ngài đã hiểu rõ, minh bạch, khai ngộ, từ một động tác của đức Thế Tôn, Ngài bèn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Về sau, Ngài truyền y bát của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thoạt đầu, Thích Ca Mâu Ni Phật truyền cho Ca Diếp chẳng phải là y bát, mà là đóa hoa do Đại Phạm Vương cúng dường. Đây là công án “*niêm hoa vi tiếu*”.

Tiếp đó, sách viết: “*Thử tức thế truyền chi niêm hoa công án. Thế Tôn truyền tâm ư Ca Diếp, vi Thiền Tông Sơ Tổ, Ca Diếp tái truyền ư A Nan*” (Đây chính là công án “niêm hoa” được lưu truyền trong cõi đời, đức Thế Tôn truyền tâm cho ngài Ca Diếp, làm Sơ Tổ Thiền Tông. Ca Diếp lại truyền cho A Nan). A Nan là Nhị Tổ. “*Kim Thượng Thủ trung, tiêu cử Đại Ca Diếp, chánh biểu Thiền Tịnh bất nhị chi thâm ý*” (Nay nêu tên ngài Đại Ca Diếp trong các vị Thượng Thủ chính là biểu thị ý nghĩa sâu xa “Thiền

5 “*Bát La hoa*” là gọi tắt của chữ “*Ưu Bát La hoa*” (Utpala), tức hoa sen.

Tịnh chẳng hai”). Quý vị xem thấy ý nghĩa biểu thị pháp của Ngài. Phật giáo truyền tới Trung Quốc thì Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ một ngàn năm. Đức Phật có tiên đoán, Ngài nói một ngàn năm sau khi pháp hội này truyền đến nước Chấn Đán ở phương Đông, Chấn Đán là Trung Quốc. Trong pháp vận của đức Phật, đức Phật đã nói Chánh Pháp là một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm. Chánh Pháp, giới luật thành tựu, người có thể trì giới sẽ có thể chứng quả. Thời Tượng Pháp, trì giới không được, căn khí của con người chẳng tốt đẹp như trước kia, phải tu Thiền Định. Vì thế, một ngàn năm trong thời kỳ Tượng Pháp là Thiền Định thành tựu. Mạt Pháp một vạn năm, Tịnh Độ thành tựu. Đức Phật nói lời ấy trong kinh Đại Tập. Phật pháp truyền tới Trung Quốc nhằm đúng một ngàn năm sau khi đức Phật diệt độ, bắt đầu thời Tượng Pháp. Tượng Pháp là Thiền thành tựu, nên Thiền Tông hưng vượng tại Trung Quốc, đúng là một ngàn năm. Thiền Tông Trung Quốc vượt trời Ấn Độ rất nhiều; do vậy, nhiều người tu Thiền, đông đảo người ngưỡng mộ Thiền, phong khí Thiền học rất hưng thịnh. Cũng có kẻ hiểu biết Thiền Tông nửa vời, số ấy càng đông, những kẻ ấy càng kiêu căng, ngã mạn, không chỉ coi thường Tịnh Độ, ngay cả Giáo Hạ cũng không để vào mắt, toàn là nẩy sanh hiểu lầm, nhưng trong xã hội đã tạo thành ảnh hưởng trái nghịch. Phải làm như thế nào để hưng khởi pháp môn thù thắng như vậy hòng thật sự lợi ích chúng sanh? Vì vậy, các vị tổ sư đại đức thiện xảo phương tiện, quý vị thấy bao nhiêu vị giống như Vĩnh Minh Diên Thọ đã làm như vậy. Trước hết, Ngài tham Thiền, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong nhà Thiền rồi quay về tu Tịnh Độ. Sự thị hiện ấy nhằm dụng ý gì? Biết có rất nhiều kẻ học Thiền chẳng thể thành tựu, quý vị quay về tu Tịnh Độ sẽ có thể vãng sanh, chắc chắn thành tựu. Cho nên Ngài mới nói: “*Hữu Thiền, hữu Tịnh Độ, do như đời giác hổ*” (Có Thiền, có Tịnh Độ, giống như hổ mọc sừng), câu này nhằm khuyên lon người học Thiền, chẳng phải dành cho người tu Tịnh Độ. Tu Tịnh Độ lại muốn tập Thiền, quý vị sai mất rồi! Thấy tu Thiền chẳng thể thành tựu, khuyên họ, họ chẳng tiếp nhận, không chịu nghe. Vì thế, nói quý vị đã có Thiền, lại còn thêm Tịnh Độ càng hay hơn! Phương tiện thiện xảo như vậy để dẫn dắt, tiếp dẫn kẻ ấy, mang ý nghĩa như thế đó. Vì thế, người tu Tịnh Độ, quý vị đã tu Tịnh Độ, chớ nên đi theo đường vòng, nếu học Thiền là trật rồi, mật ý ở chỗ này, nhất định phải hiểu! Chẳng phải là những vị tổ sư đại đức xưa kia kiếm chuyện phiền phức, bảo quý vị phải học hai pháp môn. Ta thâm nhập một môn, quý vị phải hiểu đạo lý này, phải hiểu lời ấy tổ sư dùng để nói với ai, chẳng phải là nói với chúng ta! Ngàn muôn phần đừng nên thấy [chư tổ] dạy người khác thứ gì, chúng ta bèn vớ lấy để dùng, làm rồi, chẳng thích hợp cho chúng ta. Thật sự hiểu rõ cái gọi là “*Thiền Tịnh bất nhị*”, khẳng khẳng một mực một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Thật vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo một câu A Di Đà Phật là vô thượng thậm thâm vi diệu Thiền. Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.